



**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2012  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán	5 - 6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 23

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: 467 Đường Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - TP.Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp trước đây là Doanh nghiệp Nhà nước, được Cổ phần hóa theo Quyết định số 195/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty là một pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003800 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 10 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 14.738.440.000 VNĐ (Mười bốn tỷ bảy ba tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Công ty chưa điều chỉnh lại giấy phép đăng ký kinh doanh đối với việc tăng vốn lên 32 tỷ trong năm 2012.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Industrial Equipment Trade Joint Stock Company. Tên viết tắt: IETCO

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 467 Đường Nguyễn Trãi - Phường Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

- Thực hiện các dịch vụ lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng các mặt hàng vòng bi, palăng cầu trục, dụng cụ đo, thiết bị đo và các thiết bị công nghiệp khác;
- Cán kéo thép thông dụng và chuyên dụng, kim loại màu; gia công lắp ráp, sản xuất các loại vòng bi và sản phẩm cơ khí khác;
- Sản xuất các loại bu lông, ốc vít, các sản phẩm cơ khí, phụ tùng tiêu chuẩn cho các loại phương tiện vận tải và thiết bị công nghiệp;
- Mua bán, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng kim khí, kim loại màu, nguyên vật liệu, phụ tùng, dụng cụ đo và thiết bị đo các loại, hàng điện máy, điện lạnh, thiết bị công nghiệp và các loại vật tư phục vụ cho sản xuất của Công ty; (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

### CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Tên	Trụ sở
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh Doanh Thiết bị Công nghiệp	Số 29 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
Nhà máy Quy chế II	Số 658 Phạm Văn Chí, Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 23 kèm theo

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

# CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: 467 Đường Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - TP.Hà Nội

## Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Đình Liên	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Đến hết ngày 23/8/2012
Ông Nguyễn Cảnh Dinh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bầu ngày 24/8/2012
Ông Đặng Văn Nghĩa	Ủy viên	Bầu ngày 24/8/2012
Ông Vũ Việt Kha	Ủy viên	Bầu ngày 24/8/2012
Ông Nguyễn Thế Vinh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên	
Bà Trần Thị Thu Trang	Ủy viên	Đến hết ngày 24/8/2012
Bà Hồ Thanh Thúy	Ủy viên	Đến hết ngày 24/8/2012

## Ban Tổng Giám đốc:

Ông Nguyễn Thế Vinh	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Đến hết ngày 30/09/2012
Bà Hồ Thanh Thúy	Kế toán trưởng	Đến hết ngày 30/09/2012
Ông Đinh Quốc Hưng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/10/2012

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và cam kết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong những năm tới.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền, hàng tồn kho, công nợ phải thu phải trả, tài sản cố định tại ngày 31/12/2012 trên Báo cáo tài chính.

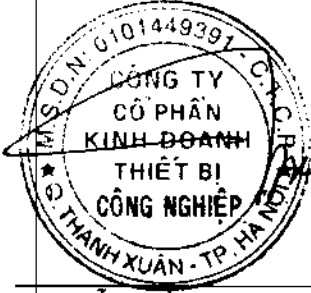
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

Địa chỉ: 467 Đường Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - TP.Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT – BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc *[Signature]*



**Nguyễn Thế Vinh**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2013*

Số : 019 /2013/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp**

Chúng tôi, Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán AVINA-IAFC, đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp được lập ngày 29/01/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 07 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên**

Một số khoản công nợ phải thu phải trả chưa được đối chiếu xác nhận nợ tại thời điểm 31/12/2012. Bằng các thủ tục thay thế, chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến của mình về số dư của các khoản công nợ này tại thời điểm 31/12/2012.

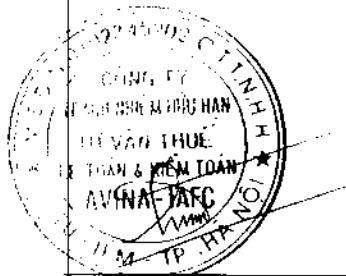
Công ty trích thiếu chi phí khấu hao tài sản cố định tại Nhà máy Quy chế II vào kết quả kinh doanh trong năm 2012 theo ước tính của kiểm toán viên là 1.266.538.393 đồng.

Công ty đang trình bày khoản chênh lệch giữa Quỹ lương theo đơn giá ghi nhận vào chi phí trong kỳ và lương thực trả cho cán bộ nhân viên theo cơ chế chi trả lương của Công ty số tiền (443.275.610) đồng như một khoản phải thu cán bộ công nhân viên trên Báo cáo tài chính năm 2012.

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định với giá trị theo ước tính của KTV là 1,126 tỷ đồng.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng (nếu có) đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý về kế toán có liên quan.



**Lại Văn Hùng**

**Phó Giám đốc**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0907/KTV

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2013

**Phạm Tuấn Vũ**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 2030/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>85.866.617.359</b>	<b>83.552.091.231</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>700.004.437</b>	<b>1.718.706.785</b>
1. Tiền	111		700.004.437	1.718.706.785
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>30.897.223.212</b>	<b>27.877.451.531</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		30.437.070.614	25.973.259.816
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Các khoản phải thu khác	138	V.02	460.152.598	1.904.191.715
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.03</b>	<b>53.184.171.860</b>	<b>52.975.889.805</b>
1. Hàng tồn kho	141		53.184.171.860	52.975.889.805
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.085.217.850</b>	<b>980.043.110</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		108.346.478	271.997.735
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		976.871.372	708.045.375
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>39.981.893.223</b>	<b>43.025.562.445</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>39.981.893.223</b>	<b>43.025.562.445</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	34.346.007.900	37.174.205.245
- Nguyên giá	222		55.699.858.707	55.821.141.666
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(21.353.850.807)	(18.646.936.421)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.05	5.635.885.323	5.851.357.200
- Nguyên giá	228		7.212.850.637	7.212.850.637
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(1.576.965.314)	(1.361.493.437)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>125.848.510.582</b>	<b>126.577.653.676</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

( Tiếp theo)

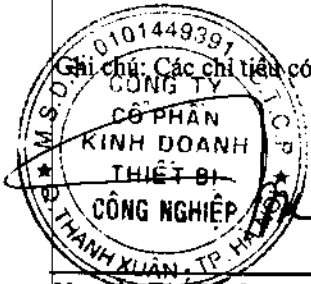
Đơn vị tính: đ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>94.362.850.292</b>	<b>110.656.558.941</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>82.711.996.579</b>	<b>93.070.941.553</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.06	66.153.409.153	72.936.911.299
2. Phải trả người bán	312		9.384.517.336	14.503.543.183
3. Người mua trả tiền trước	313		3.146.413.181	1.889.660.802
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	2.179.765.732	1.893.696.462
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.08	943.468.360	864.556.990
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		904.422.817	982.572.817
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.650.853.713</b>	<b>17.585.617.388</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn khác	333			
3. Vay và nợ dài hạn	334	V.09	11.650.853.713	17.293.621.838
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			291.995.550
5. Doanh thu chưa thực hiện	338			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>31.485.660.290</b>	<b>15.921.094.735</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.10</b>	<b>31.485.660.290</b>	<b>15.921.094.735</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		32.000.000.000	14.738.440.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(1.631.156.000)	95.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		798.908.734	798.908.734
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		288.210.001	288.210.001
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		29.697.555	536.000
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>125.848.510.582</b>	<b>126.577.653.676</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	001			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002			6.154.013
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		82.867.113	82.867.113
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004			
5. Ngoại tệ các loại (USD)	007		0,05	1,4
6. Dự toán chi hoạt động	008			



Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

**Đinh Quốc Hưng**  
Kế toán trưởng

**Lê Minh Huyền**  
Người lập biểu

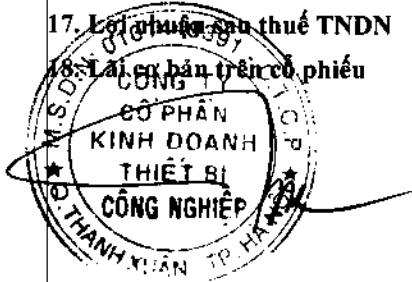
**Nguyễn Thế Vinh**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2013

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2012

Đơn vị tính: đ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.11	154.862.430.042	162.650.780.038
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.12	1.544.255.167	238.728.030
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.13	153.318.174.875	162.412.052.008
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.14	129.121.053.628	135.553.416.030
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.197.121.247	26.858.635.978
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15	126.340.399	1.959.197.045
7. Chi phí tài chính	22	VI.16	10.822.327.494	12.895.860.082
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.808.512.935	12.895.860.082
8. Chi phí bán hàng	24		4.177.812.527	5.253.601.408
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.810.012.714	10.533.384.096
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(486.691.089)	134.987.437
11. Thu nhập khác	31	VI.17	597.642.258	762.852
12. Chi phí khác	32	VI.18	72.069.096	135.750.289
13. Lợi nhuận khác	40		525.573.162	(134.987.437)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.882.073	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.19	9.720.518	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		29.161.555	
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	70		13,24	



Nguyễn Thế Vinh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2013

Đinh Quốc Hưng

Kế toán trưởng

Lê Minh Huyền

Người lập biểu

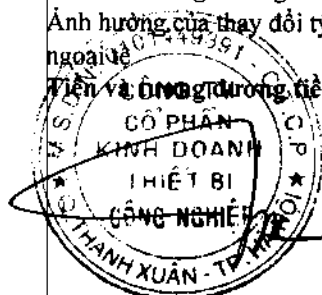
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: đ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	164.569.973.056	181.077.604.634
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(148.094.721.147)	(166.244.734.777)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.930.456.537)	(9.058.760.258)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(10.808.512.935)	(12.895.860.082)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(700.371.016)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.652.596.701	79.693.592.911
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.504.314.149)	(78.237.878.776)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(4.115.435.011)</b>	<b>(6.366.407.364)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(32.710.000)	(129.209.940)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.577.059	27.518.842
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.132.941)</b>	<b>(101.691.098)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15.535.404.000	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	90.423.075.985	92.175.521.827
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(102.849.614.381)	(85.113.838.933)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.108.865.604</b>	<b>7.061.682.894</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.018.702.348)</b>	<b>593.584.432</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.718.706.785	1.125.122.353
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>700.004.437</b>	<b>1.718.706.785</b>



Nguyễn Thế Vinh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2013

Đinh Quốc Hưng

Kế toán trưởng

Lê Minh Huyền

Người lập biểu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp trước đây là Doanh nghiệp Nhà nước, được Cổ phần hóa theo Quyết định số 195/2003/QĐ-BCN ngày 17 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty là một pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003800 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 10 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 14.738.440.000 VNĐ (Mười bốn tỷ bảy ba tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Công ty chưa điều chỉnh lại giấy phép đăng ký kinh doanh đối với việc tăng vốn lên 32 tỷ trong năm 2012.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Industrial Equipment Trade Joint Stock Company. Tên viết tắt: IETCO

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 467 Đường Nguyễn Trãi - Phường Thanh Xuân Nam - Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc:

Tên	Trụ sở
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh Doanh Thiết bị Công nghiệp	Số 29 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh
Nhà máy Quy chế II	Số 658 Phạm Văn Chí, Phường 8, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

**2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh**

- Thực hiện các dịch vụ lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng các mặt hàng vòng bi, palăng cầu trục, dụng cụ đo, thiết bị đo và các thiết bị công nghiệp khác;
- Cán kéo thép thông dụng và chuyên dụng, kim loại màu; gia công lắp ráp, sản xuất các loại vòng bi và sản phẩm cơ khí khác;
- Sản xuất các loại bu lông, ốc vít, các sản phẩm cơ khí, phụ tùng tiêu chuẩn cho các loại phương tiện vận tải và thiết bị công nghiệp;
- Mua bán, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng kim khí, kim loại màu, nguyên vật liệu, phụ tùng, dụng cụ đo và thiết bị đo các loại, hàng điện máy, điện lạnh, thiết bị công nghiệp và các loại vật tư phục vụ cho sản xuất của Công ty; (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi có liên quan. Ngày 31/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính trong Thông tư này.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành phù hợp với hoạt động của Doanh nghiệp. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký - chứng từ

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền***1.1. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác*

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào chuyển khoản của Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán doanh thu hoặc chi phí tài chính.

*1.2. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền*

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo được ghi nhận là khoản tương đương tiền.

**2. Các khoản công nợ phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết trong việc thanh toán trong thời gian tới).

**3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt, chạy thử.

Đối với các TSCĐ được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị tăng nguyên giá TSCĐ là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi giá trị công

trình được duyệt, nguyên giá TSCĐ sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 12 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### 7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***9.1. Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*9.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*9.3. Doanh thu hoạt động tài chính*

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Đơn vị tính: đ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>1 . Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt tại quỹ	171.629.189	508.336.669
Tiền gửi ngân hàng	528.375.248	1.210.370.116
<b>Cộng</b>	<b>700.004.437</b>	<b>1.718.706.785</b>
<b>2 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
Phải thu người lao động (*)	443.275.610	1.508.529.715
Phải thu khác	16.876.988	395.662.000
<b>Cộng</b>	<b>460.152.598</b>	<b>1.904.191.715</b>
(*) Là khoản chênh lệch giữa Quỹ lương theo đơn giá ghi nhận vào chi phí trong kỳ và lương thực trả cho cán bộ nhân viên theo cơ chế trả lương của Công ty.		
<b>3 . Hàng tồn kho</b>		
Nguyên liệu, vật liệu	6.541.417.755	6.311.093.231
Công cụ, dụng cụ	3.395.703.316	2.979.421.944
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.573.618.056	2.835.661.101
Thành phẩm	11.930.016.000	9.838.276.000
Hàng hóa	27.386.064.173	30.139.354.318
Hàng gửi đi bán	357.352.560	872.083.211
<b>Cộng</b>	<b>53.184.171.860</b>	<b>52.975.889.805</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	53.184.171.860	52.975.889.805

**4 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (phụ lục số 01)****5 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	4.876.221.000	-	2.336.629.637	7.212.850.637
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.876.221.000	-	2.336.629.637	7.212.850.637
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	751.553.787	-	609.939.650	1.361.493.437
Số tăng trong năm	69.148.621	-	146.323.256	215.471.877
- Khấu hao trong năm	69.148.621	-	146.323.256	215.471.877
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	820.702.408	-	756.262.906	1.576.965.314
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	4.124.667.213	-	1.726.689.987	5.851.357.200
Tại ngày cuối năm	4.055.518.592	-	1.580.366.731	5.635.885.323

6 . Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn:	66.153.409.153	72.936.911.299
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Hà Nội	36.260.423.153	43.130.397.106
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	3.541.771.400	9.962.190.153
Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Thương mại I	4.100.000.000	-
Vay cá nhân	18.251.214.600	19.844.324.040
<b>Cộng</b>	<b>66.153.409.153</b>	<b>72.936.911.299</b>

Số HĐ	Bên cho vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc đến ngày 31/12/2012	Hình thức bảo đảm
01/2012/HĐTDHM ngày 01/6/2012	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh Hà Nội	Theo hợp đồng tín dụng cụ thể	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	36.260.423.153	Tài sản
01/2012/HĐTD/IE TC ngày 29/10/2012	Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Hà Tây	14,5 %/năm	09 tháng	563.894.878	Tín chấp
02/2012/HĐTD/IE TC ngày 21/11/2012	Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Hà Tây	14,5 %/năm	09 tháng	2.003.555.538	Tín chấp
03/2012/HĐTD/IE TC ngày 21/12/2012	Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Hà Tây	14,5 %/năm	09 tháng	974.320.984	Tín chấp
458/HĐVV ngày 10/9/2012 và phụ lục hợp đồng số 458/HĐVV/PL1	Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp	15%/năm	03 tháng	4.000.000.000	
290812/HĐ ngày 29/08/2012 và phụ lục hợp đồng số 311212/HĐ ngày 31/12/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Thương mại I	Bảng lãi suất Ngân hàng TMCP Công Thương VN cho Công ty CP Đầu tư Xây lắp Thương mại I vay	03 tháng	600.000.000	
310812/HĐ ngày 31/08/2012 và phụ lục hợp đồng số 311212/HĐ ngày 31/12/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Thương mại I	Bảng lãi suất Ngân hàng TMCP Công Thương VN cho Công ty CP Đầu tư Xây lắp Thương mại I vay	03 tháng	3.500.000.000	
	Vay cá nhân	Bảng lãi suất Ngân hàng	03 - 12 tháng	18.251.214.600	
<b>Tổng cộng</b>				<b>66.153.409.153</b>	

7 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	1.719.256.529	1.451.041.553
Thuế xuất, nhập khẩu	593.592	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.720.518	-
Thuế thu nhập cá nhân	26.449.937	-
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	413.905.156	416.507.909
Các loại thuế khác	9.840.000	26.147.000
<b>Cộng</b>	<b>2.179.765.732</b>	<b>1.893.696.462</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	63.980.263	135.106.629
Bảo hiểm xã hội	-	69.820.361
Cổ tức phải trả	637.500.000	637.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	241.988.097	22.130.000
<b>Cộng</b>	<b>943.468.360</b>	<b>864.556.990</b>

9 . Vay dài hạn và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn</i>	11.650.853.713	17.293.621.838
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I (*)</i>	11.602.103.713	17.147.371.838
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Chợ Lớn</i>	-	146.250.000
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN - Chi nhánh Gia Định</i>	48.750.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.650.853.713</b>	<b>17.293.621.838</b>

(\*) Trong đó tổng dư nợ đã quá hạn thanh toán là 7.239.003.054 đồng.

**10 . Vốn chủ sở hữu**

**10.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (phụ lục số 02)**

Đơn vị tính: đ

10.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp	2.550.000.000	2.550.000.000
Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Thương mại I	17.261.560.000	-
Vốn góp của đối tượng khác	12.188.440.000	12.188.440.000
<b>Cộng</b>	<b>32.000.000.000</b>	<b>14.738.440.000</b>

**10.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu kỳ	14.738.440.000	14.738.440.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	17.261.560.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	32.000.000.000	14.738.440.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	2.094.140.952

	Năm nay	Năm trước
<b>10.4. Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.200.000	1.473.844
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và đã góp đủ		
- Cổ phiếu phổ thông	3.200.000	1.473.844
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	3.200.000	1.473.844
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
<b>10.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.161.555	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.161.555	-
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.202.140	1.473.844
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13,24	-
<b>VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH</b>		
		Đơn vị tính: đ
<b>11 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán hàng	154.862.430.042	162.650.780.038
<b>Cộng</b>	<b>154.862.430.042</b>	<b>162.650.780.038</b>
<b>12 . Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giảm giá hàng bán	41.063.427	4.252.392
Hàng bán bị trả lại	1.503.191.740	234.475.638
<b>Cộng</b>	<b>1.544.255.167</b>	<b>238.728.030</b>
<b>13 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu thuần hàng hóa đã bán	153.318.174.875	162.412.052.008
<b>Cộng</b>	<b>153.318.174.875</b>	<b>162.412.052.008</b>
<b>14 . Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	129.121.053.628	135.553.416.030
<b>Cộng</b>	<b>129.121.053.628</b>	<b>135.553.416.030</b>
<b>15 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.577.059	27.518.842
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	105.763.340	1.931.678.203
<b>Cộng</b>	<b>126.340.399</b>	<b>1.959.197.045</b>

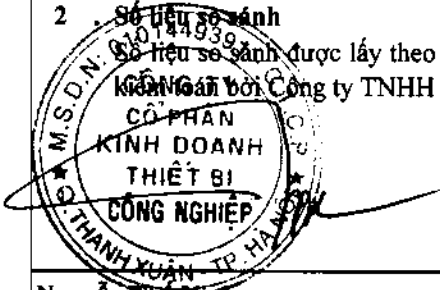
16 . Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	10.808.512.935	12.895.860.082
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	13.814.559	
<b>Cộng</b>	<b>10.822.327.494</b>	<b>12.895.860.082</b>
<b>17 . Thu nhập khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu bồi thường giải phóng mặt bằng	285.666.084	-
Kết chuyển số dư cuối kỳ quỹ dự phòng trợ cấp MVL	290.708.414	-
Thu nhập khác	21.267.760	762.852
<b>Cộng</b>	<b>597.642.258</b>	<b>762.852</b>
<b>18 . Chi phí khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí khác	72.069.096	135.750.289
<b>Cộng</b>	<b>72.069.096</b>	<b>135.750.289</b>
<b>19 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận trước thuế TNDN	38.882.073	-
Cộng chi phí không hợp lệ	-	-
Lợi nhuận tính thuế TNDN	38.882.073	-
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp	9.720.518	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>9.720.518</b>	<b>-</b>
<b>20 . Chi phí sản xuất theo yếu tố</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.324.426.692	70.392.449.829
- Chi phí nhân công	11.826.625.403	12.389.508.040
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.188.955.001	3.014.487.361
- Thuế, phí, lệ phí	876.386.528	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.010.876.813	7.583.409.568
- Chi phí khác bằng tiền	17.378.047.843	13.324.559.830
<b>Cộng</b>	<b>138.605.318.280</b>	<b>106.704.414.628</b>

**VII . CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 . Các thông tin khác**

Trong năm 2010, Công ty có mượn tài sản của bên thứ ba là Ông Nguyễn Thế Vinh và Ông Nguyễn Đình Liên để thế chấp Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2010/HĐTCTS ngày 29/04/2010 và hợp đồng quyền sử dụng đất số 02/2010/HĐTCTS ngày 13/05/2010 được ký kết giữa Ngân hàng và các cá nhân trên. Việc huy động tài sản thế chấp của bên thứ ba chỉ có thông báo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp ngày 14/04/2010 và biên bản thỏa thuận về việc tiếp tục sử dụng tài sản của Ông Nguyễn Đình Liên ngày 07/11/2012.

2. Số hiệu sơ sánh

Số hiệu sơ sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán & Kiểm toán Avina- Iafc.



Nguyễn Thế Vinh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2013

Đinh Quốc Hưng

Kế toán trưởng

Lê Minh Huyền

Người lập biểu

Handwritten mark on the right margin.

## Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu năm	15.865.230.717	34.719.924.460	3.402.093.615	1.140.402.484	693.490.390	55.821.141.666
Số tăng trong năm	32.710.000	-	-	112.575.779	-	145.285.779
- Đầu tư XD CB hoàn thành	32.710.000					32.710.000
- Tăng khác				112.575.779		112.575.779
Số giảm trong kỳ	43.174.940	-	133.575.779	89.818.019	-	266.568.738
- Thanh lý, nhượng bán			21.000.000	89.818.019		110.818.019
- Giảm khác	43.174.940		112.575.779			155.750.719
Số dư cuối năm	15.854.765.777	34.719.924.460	3.268.517.836	1.163.160.244	693.490.390	55.699.858.707
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	6.945.776.356	8.993.855.660	1.984.067.236	516.019.484	207.217.685	18.646.936.421
Số tăng trong năm	602.694.136	1.881.043.638	254.200.533	189.173.435	46.371.382	2.973.483.124
- Khấu hao trong năm	602.694.136	1.881.043.638	254.200.533	76.597.656	46.371.382	2.860.907.345
- Tăng khác				112.575.779		112.575.779
Số giảm trong năm	43.174.940	-	133.575.779	89.818.019	-	266.568.738
- Thanh lý, nhượng bán			21.000.000	89.818.019		110.818.019
- Giảm khác	43.174.940		112.575.779			155.750.719
Số dư cuối năm	7.505.295.552	10.874.899.298	2.104.691.990	615.374.900	253.589.067	21.353.850.807
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	8.919.454.361	25.726.068.800	1.418.026.379	624.383.000	486.272.705	37.174.205.245
Tại ngày cuối năm	8.349.470.225	23.845.025.162	1.163.825.846	547.785.344	439.901.323	34.346.007.900

## Phụ lục số 02: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>14.738.440.000</b>	<b>95.000.000</b>			<b>798.908.734</b>	<b>288.210.001</b>	<b>2.094.676.592</b>	<b>18.015.235.327</b>
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	2.094.140.592	<b>2.094.140.592</b>
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>14.738.440.000</b>	<b>95.000.000</b>	-	-	<b>798.908.734</b>	<b>288.210.001</b>	<b>536.000</b>	<b>15.921.094.735</b>
<b>Tăng vốn trong năm (*)</b>	<b>17.261.560.000</b>	<b>(1.726.156.000)</b>						<b>15.535.404.000</b>
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	29.161.555	<b>29.161.555</b>
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>32.000.000.000</b>	<b>(1.631.156.000)</b>	-	-	<b>798.908.734</b>	<b>288.210.001</b>	<b>29.697.555</b>	<b>31.485.660.290</b>

(\*) Trong năm, Công ty tăng vốn bằng việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Thương mại I theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29/06/2012 và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 046/2012/HĐCNCP ngày 04/07/2012 giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Công nghiệp và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Thương mại I với giá bán là 9.000 đồng/1 cổ phần, thặng dư từ việc bán cổ phần là (1.726.156.000) đồng.